

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-08-2022

*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hằng .

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Quyết và ông Nguyễn Chí Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Thu Hoài- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST ngày **01 tháng 8 năm 2022** giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Dương Thị B, sinh năm 1988 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Xóm 7, thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1986 (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Dương Thị B và anh Vũ Ngọc T kết hôn ngày 05-5-2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hoà thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 4-2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị B đã bỏ về nhà sống cùng mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

*Theo chị B trình bày:* Nguyên nhân chính do anh T ham chơi, không chăm lo cho vợ con, sống gia trưởng, ích kỷ, không tôn trọng chị, tính tình cục cằn thô lỗ, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và còn nghi ngờ chị không chung thủy. Chị đã nhiều lần tha thứ và cho anh T cơ hội sửa chữa những khuyết điểm nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng đối xử tệ hơn với chị. Vì **thương** con và không muốn gia đình tan vỡ nên chị **cố gắng** chịu đựng nhiều năm. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T và gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị không về. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Theo anh T trình bày:* Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh được bạn bè thông tin việc chị B không chung thủy dẫn đến anh nóng giận có đánh chị B nhiều lần và cũng do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị B nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị B kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Chị B và anh T trình bày vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thị H, sinh ngày 14-8-2008, cháu Vũ Ngọc Đoan Tr, sinh ngày 07-11-2009, cháu Vũ Ngọc L, sinh ngày 24-8-2013, hiện cả ba cháu đang ở cùng chị B. Anh chị nhất trí thỏa thuận do các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên nếu giải quyết ly hôn giao cả 03 con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh T và chị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Xác minh cán bộ tư pháp UBND xã Minh Hòa và trưởng thôn Nội, xã Minh Hòa cung cấp:* Chị B và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hòa năm 2007. Theo địa phương trong cuộc sống vợ chồng chị B, anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ghen tuông, đánh chị B nhiều lần nên chị B cùng con đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị B ở từ tháng 4-2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị B, anh T có ba người con chung và hiện đang sống cùng chị B tại nhà ông bà ngoại. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

*Biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị S (mẹ đẻ chị B) trình bày:* Chị B và anh T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị B chung sống tại gia đình anh T được khoảng gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, không quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên mắng chửi và đánh chị B. Hiện tại chị B cùng ba con đang sinh sống tại gia đình bà. Bà sẽ tạo điều kiện cho chị B về chỗ ăn ở và giúp đỡ chị B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn anh T.

*Biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị L( mẹ đẻ anh T) trình bày:* Anh T và chị B kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hòa. Theo bà biết cuộc sống chung của vợ chồng anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghe bạn bè ghen tuông cho rằng chị B không chung thủy vì thế anh T đánh chị B nhiều lần, mặt khác anh T và chị B không cùng quan điểm về làm ăn kinh tế dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Từ khi chị B bỏ về sống cùng mẹ đẻ bà đã tìm đến khuyên bảo nhiều lần nhưng chị B không đồng ý về đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn anh T. Do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh T, chị B có 03 con chung, hiện cả ba cháu đang ở cùng chị B tại nhà mẹ đẻ chị B. Chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung, anh T đồng ý nên gia đình bà không có ý kiến gì.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B; xử cho chị Dương Thị B ly hôn anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Hoa, sinh ngày 14-8-2008, cháu Vũ Ngọc Đoan Trang, sinh ngày 07-11-2009 và cháu Vũ Ngọc Long, sinh ngày 24-8-2013 cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết

Về án phí: Chị Dương Thị B phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị B khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Ngọc T có địa chỉ cư trú tại Xóm 4, thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B và anh Vũ Ngọc T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghi ngờ chị B không chung thủy nên đánh chị B nhiều lần. **Hiện tại**, anh chị đã **sống** ly thân từ tháng 4-2022, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng. Như vậy HĐXX thấy rằng anh T, chị B vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Hoa, sinh ngày 14-8-2008, Vũ Ngọc Đoan Trang, sinh ngày 07-11-2009, Vũ Ngọc Long, sinh ngày 24-8-2013, hiện cả ba cháu đang ở cùng chị B. Xét thấy kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ăn, ở và giúp đỡ trong việc chăm sóc con chung. Chị B và anh T đều nhất trí giao con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện các cháu đang học tập, sinh sống phát triển ổn định đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị giao 03 con chung cho chị B nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị B tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, §104 147, điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung là Vũ Thị Hoa, sinh ngày 14-8-2008, Vũ Ngọc Đoan Trang, sinh ngày 07-11-2009, Vũ Ngọc Long, sinh ngày 24-8-2013 cho chị Dương Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung **đủ** 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị B tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Ngọc T được quyền thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001325 ngày 09-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

- Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị B, anh Vũ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS TX. Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Hòa, TX. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Hằng**